TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03 /2026/HNGĐ-ST. Ngày: 16/01/2026 V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa bà Tuyền với ông Đông"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG-TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Em

2. Ông Trần Văn Tiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Huỳnh Thị Ngọc T,** sinh ngày: 02/7/1996.

Số Căn cước công dân: A

Địa chỉ: Số H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: **Ông Ma Văn Đ**, sinh ngày: 23/7/1999.

Số Căn cước công dân: B

Địa chỉ: Số H, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Bà T yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 13/11/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Đ kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/10/2023 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2025 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Bà và ông Đ đã ly thân từ năm 2025 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông Đ không còn nên bà xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Ma Gia P sinh ngày 23/12/2022. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ma Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn cũng như những mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng là có thật. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà T vì vẫn còn thương bà T

Về con chung: có 01 con chung tên Ma Gia P sinh ngày 23/12/2022. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, ông đồng ý để bà T nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T:

- Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với ông Ma Văn Đ
- Về con chung: sau khi ly hôn, bà T được nuôi con chung tên Ma Gia P sinh ngày 23/12/2022, ghi nhận bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét
- Án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Ma Văn Đ, yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Ma Văn Đ là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; hiện nay, ông Đ đang cư trú tại xã P, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn bà T có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Ma Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn

cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/10/2023 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, đầu năm 2025, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông Đ đã ly thân từ năm 2025 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông Đ không còn nên bà xin ly hôn với ông Đ. Ông Đ thừa nhận những mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng là có thật. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà T vì vẫn còn thương bà T. Xét thấy, bà T và ông Đ đều thống nhất trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông bà đã ly thân với nhau thời gian đủ dài để nhìn nhận, tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn và cùng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông bà vẫn không hàn gắn được. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: bà T và ông Đ có 01 con chung tên Ma Gia P sinh ngày 23/12/2022. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông Đ cũng đồng ý với yêu cầu của bà T nên ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông Đ cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí : căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Ma Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ma Gia P sinh ngày 23/12/2022 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông Đ cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0004205 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 5.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương